

Số: /TB-BĐT

Hải Phòng, ngày tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO

Kết luận của Ban Đô thị HĐND thành phố về “Tình hình sản xuất và cung cấp nước sạch trên địa bàn thành phố Hải Phòng”

Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2025;

Thực hiện Chương trình giám sát năm 2026 của Ban Đô thị và Kế hoạch số 02/KH-ĐGSCĐ ngày 04/5/2026 của Đoàn giám sát chuyên đề,

Căn cứ báo cáo số 31/BC-ĐGSCĐ ngày 25/6/2026 của Đoàn giám sát chuyên đề, Ban Đô thị HĐND thành phố kết luận như sau:

1. Kết quả đạt được

Trong thời gian qua, công tác sản xuất và cung cấp nước sạch trên địa bàn thành phố đã có nhiều chuyển biến. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy, HĐND, UBND thành phố được tăng cường; các sở, ngành, địa phương và đơn vị cấp nước đã chủ động triển khai nhiều giải pháp nhằm mở rộng phạm vi cấp nước, nâng cao chất lượng dịch vụ và từng bước khắc phục những tồn tại trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp nước sạch, nhất là khu vực nông thôn.

Hệ thống cấp nước nông thôn được tổ chức lại theo hướng giảm dần các công trình nhỏ lẻ, phân tán; mở rộng phạm vi cấp nước của các nhà máy nước hoạt động ổn định, bền vững; từng bước thay thế các công trình không bảo đảm chất lượng hoặc không còn phù hợp với quy hoạch.

Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch từ các nhà máy nước đô thị và các nhà máy nước nông thôn quy mô lớn đạt khoảng **89,1%**; khoảng **48,1%** số hộ dân sử dụng nước từ các công trình quy mô nhỏ đã được chuyển sang sử dụng nguồn nước từ các nhà máy nước có quy mô lớn, công nghệ xử lý hiện đại hơn.

Công tác kiểm soát chất lượng nước sạch tiếp tục được quan tâm. Các cơ quan chức năng duy trì hoạt động nội kiểm, ngoại kiểm, tăng cường thanh tra, kiểm tra chất lượng nước. Tỷ lệ mẫu nước không đạt quy chuẩn đã giảm từ **50,66% năm 2023** xuống **29,6% năm 2024** và còn **25,08% năm 2025**.

Công tác quản lý, giám sát và bảo vệ nguồn nước thô ngày càng được chú trọng; việc quan trắc, kiểm soát nguy cơ ô nhiễm, xâm nhập mặn và triển khai kế hoạch cấp nước an toàn được tăng cường. Xã hội hóa đầu tư tiếp tục phát huy hiệu quả, nhiều doanh nghiệp đã chủ động đầu tư nâng cấp công trình, mở rộng mạng lưới cấp nước, góp phần giảm áp lực đầu tư từ ngân sách nhà nước.

2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc

- Công tác chỉ đạo, điều hành, nhất là ở cấp xã chưa thực sự quyết liệt, sâu sát; một số địa phương chưa nhận thức rõ vai trò quản lý nhà nước của mình trong lĩnh vực cấp nước sạch. Công tác phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương có thời điểm chưa thật sự đồng bộ, nhất là trong việc quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, xử lý vi phạm xả thải, giải quyết tranh chấp vùng cấp nước, xử lý các công trình hoạt động kém hiệu quả và trong việc bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án hạ tầng giao thông liên quan đến hạ tầng cấp nước.

- Vẫn còn những nhà máy nước hiện vẫn khai thác nước thô từ tuyến sông, kênh nội đồng (như một số nhà máy trên địa bàn các huyện: Vĩnh Bảo, Tiên Lãng cũ) hoặc từ các nguồn có nguy cơ ô nhiễm cao, gần khu vực chăn nuôi (như nhà máy nước sạch Hưng Đạo, phường Hưng Đạo: khu vực khai thác nước ở gần trại chăn nuôi vịt). Còn 09/124 đơn vị cấp nước sinh hoạt chưa được phê duyệt vùng bảo hộ cấp giấy phép khai thác nước mặt¹ theo quy định của Luật Tài nguyên nước.

- Chất lượng nước tại nhiều thời điểm ở một số địa phương chưa đảm bảo. Trong giai đoạn thực hiện theo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương²: trong số 2.471 mẫu nước sạch thực hiện ngoại kiểm có 493 mẫu không đạt quy chuẩn (chiếm tỷ lệ 20%). Các chỉ tiêu không đạt chủ yếu là clo dư tự do, Coliforms, E.coli, Pseudomonas aeruginosa, độ đục. Trong 11 mẫu nước³ Đoàn giám sát của Ban Đô thị yêu cầu xét nghiệm có 03 mẫu nước không đạt tiêu chuẩn⁴ (tỷ lệ 27,3%).

Một số công trình cấp nước nông thôn có kết quả ngoại kiểm nhiều lần không đảm bảo chất lượng nhưng chưa được các địa phương xử phạt hành chính và buộc khắc phục theo quy định.

- Công tác quản lý vùng phục vụ cấp nước còn bộc lộ một số bất cập. Tại một số khu vực, ranh giới vùng phục vụ giữa các đơn vị cấp nước chưa được xác định rõ ràng, còn tồn tại sự chồng lấn giữa phạm vi được thỏa thuận và phạm vi cấp nước thực tế⁵ gây khó khăn cho công tác quản lý và phân định trách nhiệm của các đơn vị cấp nước.

- Việc xử lý các công trình cấp nước không đảm bảo bền vững, không phù hợp quy hoạch còn chậm. Công tác bàn giao, tiếp nhận và xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra, trong đó có nhiều

¹ Bao gồm: Nhà máy nước Hà Thanh, Nhà máy nước Hưng Đạo thuộc Công ty TNHH MTV nước sạch Hưng Đạo; Nhà máy nước Kim Định của DNTN Nam Khương; Nhà máy nước Cao Minh của Công ty TNHH xây dựng thương mại Trung Thu; Nhà máy nước Trường Thành của Công ty TNHH nước sạch Trường Sơn; Nhà máy nước sạch Tân Dương của Công ty CP dịch vụ cấp nước Bắc Sông Cẩm; Nhà máy nước Kiến Quốc của Công ty CP ĐTPT dịch vụ thương mại Long Thành; Nhà máy nước Phả Lễ thuộc Công ty CP nước sạch Trường Giang;

² Hải Phòng: từ năm 2023; Hải Dương: từ năm 2021;

³ của các cơ sở cấp nước Thanh Lương, Dũng Tiến, Kiến Thiết, Tiên Cường, Hòa Bình 2, An Lư, Cộng Lạc

⁴ Bao gồm: 02 mẫu tại xã Tân Minh (chỉ tiêu không đạt: Clo dư, Coliforms); 01 mẫu của Nhà máy nước Thanh Lương (chỉ tiêu không đạt: Clo dư).

⁵ Như tại khu vực các xã, phường: Quyết Tiến, Hòa Bình, Lưu Kiêm...

công trình đã dừng hoạt động từ lâu⁶. Nhiều công trình được đầu tư từ nhiều nguồn vốn, qua nhiều giai đoạn nên hồ sơ pháp lý, hồ sơ tài sản chưa hoàn thiện, gây khó khăn trong việc xác lập, bàn giao và xử lý theo quy định.

- Một số đơn vị cấp nước còn gặp khó khăn về nguồn lực tài chính, nhân lực kỹ thuật và năng lực quản trị, vận hành. Khả năng đầu tư nâng cấp công nghệ xử lý nước, cải tạo mạng lưới đường ống, ứng dụng tự động hóa và chuyển đổi số còn hạn chế; công tác kiểm soát thất thoát nước, quản lý chất lượng nước và xây dựng phương án cấp nước an toàn chưa thực sự hiệu quả. Năng lực cấp nước của một số nhà máy nước chưa theo kịp tốc độ phát triển dân cư, đô thị và nhu cầu sử dụng nước thực tế. Một số khu vực vẫn xảy ra tình trạng thiếu nước cục bộ, áp lực nước thấp hoặc cấp nước chưa ổn định, nhất là vào mùa hè và thời điểm nhu cầu sử dụng tăng cao, đặc biệt như trường hợp tại các xã thuộc khu vực Bình Giang (cũ), xã Vĩnh Thịnh đã được phản ánh trên chương trình Alo chào buổi sáng của VTV1.

Qua giám sát, theo dõi ý kiến, kiến nghị của cử tri, người dân một số địa phương đã nhiều lần đề xuất xem xét chấm dứt hoạt động đối với các công trình cấp nước không đáp ứng yêu cầu và chuyển sang sử dụng nguồn nước từ các nhà máy nước khác có chất lượng ổn định hơn (như nhà máy nước Dũng Tiến tại xã Vĩnh Thịnh).

- Chỉ có 3/146 nhà máy nước⁷ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với khu đất xây dựng nhà máy, trạm bơm; những đơn vị còn lại vẫn phải thuê mặt bằng⁸ hoặc chưa hoàn thiện đầy đủ thủ tục pháp lý về đất đai, làm giảm tính chủ động trong đầu tư, mở rộng quy mô và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn.

3. Đề xuất, kiến nghị

3.1. Đối với UBND thành phố

(1) Khẩn trương hoàn thiện quy hoạch chung của thành phố làm cơ sở triển khai kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống cấp nước trên địa bàn. Tổ chức rà soát, xác định và công bố phân vùng cấp nước, nguồn cấp, tuyến truyền tải, trạm tăng áp, vùng phục vụ của từng nhà máy, bảo đảm phù hợp với quy hoạch, tránh chồng lấn vùng phục vụ, nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành hệ thống cấp nước.

(2) Sớm ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch phục vụ mục đích sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hải Phòng thay thế 02 Quy chuẩn kỹ thuật đang thực hiện đồng thời hiện nay⁹. Chỉ đạo bố trí nguồn

⁶ 97 công trình đã dừng hoạt động, trong đó: 90 công trình cơ bản còn duy trì các hạng mục công trình chính đã được đầu tư hình thành tài sản, trong đó có thành phần vốn từ ngân sách nhà nước; 07 công trình đã tháo dỡ toàn bộ các hạng mục công trình.

⁷ NMN Tiên Cường, NMN Hồng Lạc, NMN Thanh Hồng;

⁸ Như: Công ty CP nước sạch nông thôn Hải Dương: hiện vẫn phải đi thuê trụ sở làm việc.

⁹ Phía Đông: QCDP 02:2023/TPHP - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

P phía Tây: QCDP 01:2021/HD Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

lực để kiểm tra, giám sát chất lượng nước, quan trắc nguồn nước đầu vào; tăng cường lấy mẫu, phân tích, giám sát đột xuất tại các cơ sở cấp nước phục vụ sinh hoạt, đặc biệt là các cơ sở cấp nước có mẫu nước không đạt nhiều lần.

(3) Phê duyệt phương án xử lý các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung bảo đảm tuân thủ quy định tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP¹⁰; Nghị định số 43/2022/NĐ-CP¹¹ và các quy định của pháp luật về đất đai. Kiên quyết xử lý các công trình cấp nước không bảo đảm quy chuẩn; xem xét phương án chuyển đổi mô hình hoạt động hoặc chấm dứt hoạt động đối với các công trình kém hiệu quả (như nhà máy nước sạch Thanh Lương, xã Vĩnh Hải; nhà máy nước sạch Dũng Tiến, xã Vĩnh Thịnh).

(4) Hỗ trợ các doanh nghiệp kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hoàn thiện hồ sơ, thủ tục về đất đai theo quy định của pháp luật; tạo điều kiện để doanh nghiệp ổn định hoạt động, yên tâm đầu tư nâng cấp công trình, mở rộng phạm vi cấp nước và nâng cao chất lượng dịch vụ.

(5) Chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tăng cường công tác quản lý, bảo vệ nguồn nước thô, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt và hành lang an toàn công trình cấp nước; kịp thời xử lý các nguy cơ ô nhiễm, xâm nhập mặn và các yếu tố ảnh hưởng đến an toàn cấp nước.

(6) Huy động nguồn lực đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống cấp nước, đặc biệt là khu vực nông thôn, ven đô và các khu vực còn khó khăn về nước sạch; hỗ trợ đầu nối cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ chính sách và khu vực khó khăn trong quá trình thay thế nguồn cấp nước (như các xã khu vực Chí Linh cũ).

3.2. Đối với UBND cấp xã

(1) Thực hiện nghiêm túc chức năng nhiệm vụ được giao theo phân cấp tại Quyết định số 235/2025/QĐ-UBND¹² của UBND thành phố. Phối hợp chặt chẽ với sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị cấp nước trong công tác bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước và hành lang an toàn công trình cấp nước.

(2) Kịp thời phát hiện, phản ánh và phối hợp xử lý các hành vi vi phạm ảnh hưởng đến nguồn nước và hệ thống cấp nước trên địa bàn. Chủ động rà soát, nắm bắt và giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh tại cơ sở, tạo điều kiện để các công trình cấp nước hoạt động ổn định, hiệu quả, phục vụ Nhân dân.

(3) Thường xuyên kiểm tra, chấn chỉnh hoạt động nội kiểm, ngoại kiểm; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy chuẩn theo đúng quy định của pháp luật. Công khai tên đơn vị cấp nước chưa cung cấp đủ hồ sơ quản lý, chưa nội kiểm, chưa có báo cáo, có mẫu không đạt kết quả ngoại kiểm.

¹⁰ ngày 31/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch

¹¹ ngày 24/6/2022, của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

¹² ngày 17/12/2025 của UBND thành phố Quy định về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; quản lý và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng

3.3. Đối với Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng, Công ty Cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương, Công ty Cổ phần nước sạch nông thôn Hải Dương

(1) Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư công nghệ hiện đại; tự chủ về công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý, vận hành hệ thống cấp nước, bảo đảm cung cấp nước sạch an toàn, ổn định và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân.

(2) Phát huy vai trò nòng cốt, dẫn dắt trong lĩnh vực cấp nước sạch; tăng cường hỗ trợ, chia sẻ kinh nghiệm quản lý, vận hành và chuyển giao công nghệ đối với các nhà máy nước nông thôn, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước trên địa bàn. Bảo đảm hài hòa giữa việc thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao với mục tiêu nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và phát triển bền vững của doanh nghiệp.

3.4. Đối với các nhà máy nước sạch nông thôn

(1) Xây dựng kế hoạch khẩn trương, chủ động khắc phục các tồn tại, hạn chế trong quá trình đầu tư, quản lý và vận hành; nâng cao năng lực quản lý, chất lượng dịch vụ và hiệu quả khai thác, sử dụng công trình cấp nước trên địa bàn.

(2) Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác quản lý, bảo vệ nguồn nước, quản lý vùng cấp nước và giải quyết kịp thời các vướng mắc phát sinh trong quá trình khai thác, vận hành.

(3) Hoàn thiện đầy đủ các điều kiện hoạt động theo quy định; tăng cường đầu tư, nâng cấp công nghệ xử lý, hệ thống mạng lưới cấp nước và nâng cao năng lực quản lý, vận hành, bảo đảm cung cấp nước sạch an toàn, ổn định và bền vững. Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch cấp nước an toàn, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt và thực hiện công bố theo đúng quy định.

(4) Tăng cường công tác nội kiểm chất lượng nguồn nước đầu vào và đầu ra; chủ động công khai thông tin chất lượng nước và nâng cao trách nhiệm phục vụ người dân trên địa bàn.

Ban Đô thị HĐND thành phố báo cáo Thường trực HĐND, UBND thành phố và trân trọng đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan quan tâm thực hiện./.

Nơi nhận:

- TTTU (để b/c/);
- TT HĐND TP (để b/c/);
- UBND TP;
- Các Ban HĐND TP;
- LĐ và các UV Ban ĐT;
- Các Sở, ngành liên quan;
- Các VP: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND TP;
- UBND các xã, đặc khu;
- Phòng CTHĐND;
- Lưu: VT, HP.

**TM. BAN ĐÔ THỊ
TRƯỞNG BAN**

Phạm Văn Khanh